

## **BÁO CÁO**

**Về tình hình, kết quả công tác kiểm soát TTHC  
thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh quý I năm 2019**  
(Số liệu từ ngày 15/12/2018 đến ngày 15/03/2019)

Thực hiện Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. UBND tỉnh Tây Ninh báo cáo tình hình, kết quả công tác kiểm soát TTHC thực hiện trên địa bàn tỉnh quý I năm 2019 như sau:

### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính**

Trong quý I năm 2019, Tây Ninh tập trung ban hành các văn bản để triển khai công tác cải cách TTHC, kiểm soát TTHC, tổ chức triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Cục Kiểm soát TTHC – Văn phòng Chính phủ. Trong đó, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản sau: Quyết định số 3123/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch CCHC và kiểm soát TTHC năm 2019, Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch rà soát quy định, TTHC trên địa bàn tỉnh năm 2019; Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 3/01/2019 của UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp thực hiện TTHC về đất đai trong khu kinh tế trên địa bàn tỉnh...

Để tiếp tục triển khai quy định mới của pháp luật về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, tỉnh tiếp tục ban hành Kế hoạch số 295/KH-UBND ngày 21/02/2019 của UBND tỉnh làm việc với UBND cấp huyện về triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ để tiếp tục kiểm tra, quán triệt và chỉ đạo triển khai kịp thời, thống nhất đến toàn bộ hệ thống cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh theo đúng tiến độ mà Trung ương đã quy định. Đồng thời, để thực hiện đúng chủ trương của Chính phủ trong việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, góp phần thực hiện thành công việc xây dựng Chính phủ điện tử, tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tại Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 và Tổ giúp việc cho Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tại Quyết định số 636/QĐ-BCĐCQĐT ngày 12/02/2019.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp chủ động, tích cực trong công tác CCHC, cải cách TTHC, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; tập trung thực hiện các nội dung về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; chú trọng công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát; kịp thời đôn đốc, hướng dẫn, tháo gỡ, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt yêu cầu người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, lãnh đạo UBND tỉnh nếu để cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý của cơ quan mình gây những nhiễu, phiền hà, thiếu trách nhiệm trong công tác cải cách TTHC.

## **2. Tình hình, kết quả tham gia ý kiến, thẩm định, đánh giá tác động quy định trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính**

Trong quý I năm 2019, Tây Ninh không ban hành VBQPPL có quy định về TTHC nên việc tham gia ý kiến, thẩm định, đánh giá tác động đối với dự thảo VBQPPL có quy định về TTHC không thực hiện. Tất cả các quy định TTHC hiện nay đang áp dụng trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định của các cơ quan Trung ương ban hành.

## **3. Tình hình, kết quả công bố, công khai và nhập dữ liệu thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính (Phụ lục I)**

Trong quý I năm 2019, tỉnh đã hoàn thành việc công bố quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết TTHC tại 03 cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh. Các TTHC sau khi công bố đều được nhập dữ liệu và công khai đầy đủ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Cổng thông tin điện tử của tỉnh; niêm yết công khai tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức. Tính đến nay, toàn tỉnh có **1.884** TTHC, trong đó: cấp tỉnh là **1.446** TTHC, cấp huyện là **290** TTHC, cấp xã là **148** TTHC.

## **4. Tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương. (Kèm theo Phụ lục II và III)**

## **5. Tình hình, kết quả rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính**

Tỉnh đã ban hành Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch rà soát quy định, TTHC thực hiện trên địa bàn tỉnh năm 2019. Theo kế hoạch, có **25** nhóm và trên **50** TTHC được phê duyệt có liên quan đến các lĩnh vực như: Tài chính, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Văn hóa, thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Ngoại vụ, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh...UBND cấp huyện: Bến Cầu, Gò Dầu, Trảng Bàng, Hòa Thành, Châu Thành, Dương Minh Châu, Tân Biên, Tân Châu, Thành phố Tây Ninh chủ trì thực hiện.



Bên cạnh đó, tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thành phố không xây dựng kế hoạch rà soát quy định, TTHC của cơ quan, đơn vị đối với năm 2019, tập trung phân công đội ngũ công chức, viên chức thuộc quyền quản lý thực hiện các nhiệm vụ đã được UBND tỉnh phê duyệt kèm theo Quyết định này. Trường hợp trong năm 2019, Thủ tướng Chính phủ hoặc các Bộ, ngành Trung ương yêu cầu rà soát thêm các TTHC chuyên ngành hoặc trọng tâm mà chưa được phê duyệt trong kế hoạch này thì các cơ quan, đơn vị phải thực hiện rà soát theo đúng các nội dung của kế hoạch này. Đồng thời, UBND tỉnh giao Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh theo dõi đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

#### **6. Tình hình, kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính (Kèm theo phụ lục IV)**

#### **7. Tình hình, kết quả công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính**

Xác định công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác cải cách hành chính của tỉnh. Hiện nay, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện cung cấp liên tục tình hình, kết quả công tác CCHC đơn vị mình, của tỉnh để người dân, tổ chức theo dõi, kiến nghị về công tác CCHC của tỉnh. Đồng thời, đã chỉ đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh nâng cấp Cổng Thông tin điện tử của tỉnh, bổ sung nhiều chuyên mục, cập nhật tin, bài phong phú, nâng số lượng truy cập Cổng Thông tin điện tử lên nhiều hơn trước. Các cơ quan, địa phương tạo các video clip, tờ rơi, bia kẹp... tuyên truyền, hướng dẫn CBCC và tổ chức, cá nhân các nội dung liên quan đến việc tiếp nhận và trả kết quả và hiện nay tỉnh đã có Cổng Phục vụ Hành chính công tỉnh trên ứng dụng Zalo. Hiện nay trên Cổng Hành chính công của tỉnh đã trả lời trực tuyến cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp 99 lượt và 10 văn bản. Việc đánh giá tinh thần, trách nhiệm và thái độ phục vụ của công chức tại Trung tâm Hành chính công trong giải quyết TTHC được thực hiện thường xuyên, liên tục, cụ thể đã khảo sát được sự hài lòng của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trên hệ thống máy tính bảng được: 2057 phiếu, đạt 02 mức “rất hài lòng”: 1530 phiếu và “hài lòng” 527 phiếu.

#### **8. Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông**

Về thực hiện cơ chế một cửa tính đến nay đã có 123 cơ quan hành chính nhà nước đã thực hiện cơ chế một cửa, trong đó: 19/19 sở, ban, ngành tỉnh; 09/09 huyện, thành phố và 95/95 xã, phường, thị trấn.

Hệ thống một cửa điện tử tập trung tỉnh đã cập nhật đầy đủ thủ tục hành chính từ cấp tỉnh đến cấp xã (1.884 TTHC) và cập nhật trình tự thực hiện giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh tại địa chỉ <http://motcua.tayninh.gov.vn>. Đây là hệ thống phục vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham gia vào quá trình giải quyết TTHC. Đồng thời, đối với việc tích hợp, chia sẻ dữ liệu TTHC và một cửa điện tử tập trung tại địa phương. Bộ phận quản trị một cửa điện tử cập nhật



các quy trình trên một cửa thì hệ thống tự động tích hợp lên cổng dịch vụ công tỉnh nhằm công khai toàn bộ quy trình giải quyết, các hình thức tiếp nhận, trả kết quả TTHC của địa phương. Các thống kê, báo cáo việc tiếp nhận, giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh được cập nhật liên tục lên Hệ thống dịch vụ công tỉnh.

Đối với cổng dịch vụ công tỉnh Tây Ninh theo địa chỉ <https://dichvucong.tayninh.gov.vn>. Các tổ chức, cá nhân có thể tìm kiếm thông tin về thủ tục hành chính cần thực hiện, tra cứu tình trạng giải quyết thủ tục hành chính từng đơn vị trên địa bàn tỉnh, tra cứu trạng thái giải quyết thủ tục hành chính và nộp hồ sơ dịch vụ công mức độ 3,4. Hiện nay, Cổng thông tin điện tử của tỉnh cung cấp 100% TTHC đạt dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 (**1.884** thủ tục); đạt dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là **1.010** TTHC và **35** TTHC triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được triển khai, ứng dụng trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh đã triển khai, thực hiện quy trình liên thông trong giải quyết TTHC giữa ngành Thuế và ngành Tài nguyên và Môi trường trong khâu tính thuế, xác định nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất, đến nay người sử dụng đất không phải đi lại nhiều lần giữa hai cơ quan này để thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai. Đồng thời, Trung tâm Hành chính công tỉnh hiện nay tiếp tục hoạt động ổn định, hiệu quả với tổng số TTHC được thực hiện tại Trung tâm là **1.446** TTHC, bao gồm **16** Sở và Phòng PC06 - Công an tỉnh, trong đó TTHC được tiếp nhận trực tiếp tại Trung tâm là **1.129** TTHC và có **317** TTHC được tiếp nhận trực tiếp tại các quầy của Trung tâm Hành chính công tỉnh đặt tại các sở, ban, ngành tỉnh. Khi triển khai hoàn chỉnh Trung tâm Hành chính công tỉnh **08** Sở mới đưa vào thực hiện tại Trung tâm không cần cử công chức ra làm việc tại Trung tâm, mà tỉnh tiếp tục sử dụng **08** công chức của giai đoạn I để thực hiện tiếp nhận và trả kết quả đối với tất cả **1.129** TTHC của **16** Sở, đối với **317** TTHC tiếp nhận trực tiếp tại các quầy của Trung tâm Hành chính công tỉnh đặt tại các sở, ban, ngành tỉnh do các sở, ban, ngành tỉnh bố trí nhân sự thực hiện. Sau khi trung tâm đi vào hoạt động ổn định, việc cử người sẽ được luân phiên giữa các sở khi các công chức của giai đoạn I hết thời gian biệt phái. Riêng Phòng PC06 – do Công an tỉnh xem xét bố trí nhân sự cho phù hợp.

Các TTHC đưa vào Trung tâm đều được xây dựng quy trình điện tử trên Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh, 100% hồ sơ, TTHC được giám sát chặt chẽ từ khâu tiếp nhận, xử lý đến hoàn trả kết quả, đồng thời phối hợp Bưu điện tỉnh qua dịch vụ bưu chính công ích trong việc thu hộ phí, lệ phí, nộp thuế..., nhằm kịp thời trả kết quả đến tay cá nhân, tổ chức, Doanh nghiệp một cách nhanh chóng trong thời gian sớm nhất. Đồng thời, để đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong thực hiện CCHC. Tại Trung tâm hành chính công tỉnh đã triển khai sử dụng mạng xã hội Zalo để tiếp nhận, tra cứu tình trạng giải quyết hồ sơ và trả kết quả giải quyết đối với **12** TTHC gồm: Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp đối với công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam trong tỉnh; Thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp đối với công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam ngoài tỉnh; Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế; Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh



ng nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp doanh) đồng thời tạo lập kênh giao tiếp trực tiếp giữa chính quyền tỉnh Tây Ninh với người dân; thủ tục chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông; thủ tục cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc; thủ tục chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ; thủ tục tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương; thủ tục tiếp nhận, rà soát biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương; thủ tục thông báo thực hiện khuyến mại và thủ tục thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại.

Ngoài ra, tính đến nay tỉnh đã trang bị hệ thống Camera giám sát Trung tâm Hành chính công tỉnh, 04/09 Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và 45/95 xã/phường/thị trấn. Theo đó, các bộ phận tiếp nhận và trả kết quả sẽ được giám sát tập trung tại Văn phòng UBND tỉnh nhằm giám sát toàn bộ hoạt động tại Bộ phận Một cửa các cấp, đồng thời tham mưu cho tỉnh nâng cao hiệu quả công tác CCHC. Dự kiến trong quý II năm 2019 sẽ triển khai 100% camera giám sát các bộ phận tiếp nhận và trả kết quả còn lại trên địa bàn tỉnh.

## **9. Kiểm tra công tác kiểm soát TTHC**

Đối với công tác kiểm tra công tác kiểm soát TTHC, UBND tỉnh đã giao Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra công tác CCHC, kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới, dự kiến Kế hoạch sẽ ban hành trong quý II năm 2019 và thực hiện kiểm tra dự kiến trong tháng 8 năm 2019.

Song song với hoạt động trên, tỉnh thường xuyên kiểm tra công vụ (có nội dung kiểm tra kiểm soát TTHC) tại cơ quan hành chính các cấp nhằm nâng cao trách nhiệm, kỷ cương, kỷ luật hành chính và tinh thần thái độ phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở các cấp, các ngành trong tỉnh.

## **10. Đánh giá chung về tình hình kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC quý I năm 2019**

### **a. Đánh giá chung**

Nhìn chung, trong quý I năm 2019, Tây Ninh đã ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn về công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định, thời gian, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, việc thực hiện công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, các cơ quan, đơn vị đã có sự quan tâm, trách nhiệm hơn trong chỉ đạo, điều hành đã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về công tác kiểm soát TTHC theo các kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt và hướng dẫn của Cục kiểm soát TTHC – Văn phòng Chính phủ.

Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh với vai trò nhiệm vụ của mình, các cơ quan, đơn vị đã chủ động tham mưu đề xuất các giải pháp trong việc xây dựng và triển khai kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt đảm bảo yêu cầu và đạt mục tiêu đề ra.

## **b. Những khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị**

- Chưa tích hợp và đồng bộ dữ liệu của phần mềm một cửa điện tử của tỉnh với các phần mềm riêng của Bộ ngành Trung ương như: Giao thông Vận tải, Tư pháp và Kế hoạch và Đầu tư... Trung ương mới quy định về quy trình điện tử nên một số TTHC chưa xây dựng được quy trình điện tử trên phần mềm một cửa của tỉnh, vẫn còn hồ sơ trễ hạn do yếu tố khách quan như thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp phải chờ Công an xác minh...

- Mặc dù, danh mục TTHC, quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết TTHC tại 03 cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh đã được công bố đầy đủ nhưng vẫn thường xuyên thay đổi, biến động liên tục, mà quá trình chuẩn hóa, công bố, công khai tại các Bộ ngành Trung ương lại thường rất chậm, gây khó khăn cho cả cơ quan quản lý nhà nước và đối tượng thực hiện.

- Hiện nay phần mềm Hệ thống quản lý và đánh giá về kiểm soát TTHC không truy cập được nữa đã gây khó khăn cho địa phương trong quá trình khai thác, sử dụng và thực hiện báo cáo định kỳ về công tác kiểm soát TTHC. Do đó, đề nghị Văn phòng Chính phủ sớm nâng cấp lại phần mềm Hệ thống quản lý và đánh giá về kiểm soát TTHC, thiết kế lại các biểu mẫu báo cáo theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ để giúp địa phương thực hiện công tác báo cáo định kỳ về kiểm soát TTHC được nhanh chóng, ngắn gọn, thuận tiện, không mất nhiều thời gian như hiện nay. Đồng thời, cần bổ sung thêm đơn vị báo cáo công tác kiểm soát TTHC của địa phương là Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh trên phần mềm quản lý, đánh giá về TTHC.

- Văn phòng Chính phủ cần tăng cường tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về kiểm soát TTHC cho địa phương, nhất là những vấn đề mới như: quy định mới của pháp luật về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ; Hệ thống quản lý và đánh giá về kiểm soát TTHC theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP...

UBND tỉnh Tây Ninh báo cáo Văn phòng Chính phủ tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:** 

- Cục Kiểm soát TTHC – VPCP;
- Bộ Nội vụ;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; HCC;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

8



**Trần Văn Chiến**



**Phụ lục I**  
**SỐ TTHC ĐƯỢC CÔNG BỐ, CÔNG KHAI**  
**TẠI TÂY NINH**

| STT | Đơn vị thực hiện                       | Số lượng quyết định công bố đã ban hành | Số VBQPPL, TTHC được công bố |         |                      |                               |           |                                                | Số lượng văn bản đề nghị mở công khai/ không công khai | Số VBQPPL, TTHC đề nghị công khai/không công khai |                        |  |
|-----|----------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------|---------|----------------------|-------------------------------|-----------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------|--|
|     |                                        |                                         | Số VBQPPL                    | Số TTHC |                      |                               | Số VBQPPL | TTHC                                           |                                                        |                                                   |                        |  |
|     |                                        |                                         |                              | Tổng số | Chia ra              |                               |           | Quy định mới; được sửa đổi bổ sung (Công khai) |                                                        | Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (Không công khai)              |                        |  |
|     |                                        |                                         |                              |         | Số TTHC quy định mới | Số TTHC được sửa đổi, bổ sung |           |                                                |                                                        |                                                   | Số TTHC hủy bỏ, bãi bỏ |  |
|     |                                        |                                         |                              |         |                      |                               |           |                                                |                                                        |                                                   |                        |  |
| A   | (1)                                    | (2)                                     | (3)                          | (4)     | (5)                  | (6)                           | (7)       | (8)                                            | (9)                                                    | (10)                                              | (11)                   |  |
|     | Tổng số                                | 20                                      | 0                            | 1.884   | 1.884                | 0                             | 0         | 0                                              | 0                                                      | 0                                                 | 0                      |  |
| 1   | Sở Công thương                         | 1                                       | 0                            | 133     | 133                  | 0                             | 0         | 0                                              | 0                                                      | 0                                                 | 0                      |  |
| 2   | Sở Giáo dục và Đào tạo                 | 1                                       | 0                            | 80      | 80                   | 0                             | 0         | 0                                              | 0                                                      | 0                                                 | 0                      |  |
| 3   | Sở Giao thông vận tải                  | 1                                       | 0                            | 83      | 83                   | 0                             | 0         | 0                                              | 0                                                      | 0                                                 | 0                      |  |
| 4   | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội     | 1                                       | 0                            | 164     | 164                  | 0                             | 0         | 0                                              | 0                                                      | 0                                                 | 0                      |  |
| 5   | Sở Nội vụ                              | 1                                       | 0                            | 134     | 134                  | 0                             | 0         | 0                                              | 0                                                      | 0                                                 | 0                      |  |
| 6   | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 1                                       | 0                            | 172     | 172                  | 0                             | 0         | 0                                              | 0                                                      | 0                                                 | 0                      |  |
| 7   | Sở Tài chính                           | 1                                       | 0                            | 68      | 68                   | 0                             | 0         | 0                                              | 0                                                      | 0                                                 | 0                      |  |

|    |                                        |   |   |     |     |   |   |   |   |   |   |   |   |
|----|----------------------------------------|---|---|-----|-----|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8  | Sở Tài nguyên và Môi trường            | 1 | 0 | 123 | 123 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 9  | Sở Thông tin và Truyền thông           | 1 | 0 | 43  | 43  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 10 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch        | 1 | 0 | 119 | 119 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 11 | Sở Xây dựng                            | 1 | 0 | 43  | 43  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 12 | Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh           | 1 | 0 | 97  | 97  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 13 | Sở Khoa học và Công nghệ               | 1 | 0 | 17  | 17  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 14 | Sở Ngoại vụ                            | 1 | 0 | 4   | 4   | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 15 | Sở Kế hoạch và Đầu tư                  | 1 | 0 | 160 | 160 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 16 | Sở Y tế                                | 1 | 0 | 172 | 172 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 17 | Thanh tra tỉnh                         | 1 | 0 | 29  | 29  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 18 | Sở Tư pháp                             | 2 | 0 | 240 | 240 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 19 | Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh | 1 | 0 | 3   | 3   | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |



**PHỤ LỤC II**

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI TÂY NINH QUÝ I NĂM 2019**  
(Từ ngày 15/12/2018 đến ngày 15/3/2019)

Đơn vị báo cáo:  
Tỉnh Tây Ninh  
Đơn vị nhận báo cáo:  
Văn phòng chính phủ (Cục  
Kiểm soát TTHC).

| STT | Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp                    | Số hồ sơ nhận giải quyết |                             |                        |                                        |                        |              | Kết quả giải quyết |                          |              |         |               |               | Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa |         |  |  |
|-----|------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------|------------------------|----------------------------------------|------------------------|--------------|--------------------|--------------------------|--------------|---------|---------------|---------------|-----------------------------------------|---------|--|--|
|     |                                                            | Tổng số                  | Trong đó                    |                        |                                        | Số hồ sơ đã giải quyết |              |                    | Số hồ sơ đang giải quyết |              |         | Đã giải quyết |               | Đang giải quyết                         |         |  |  |
|     |                                                            |                          | Số mới tiếp nhận trực tuyến | Số kỳ trước chuyển qua | Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc DVBC) | Tổng số                | Trả đúng hạn | Trả quá hạn        | Tổng số                  | Chưa đến hạn | Quá hạn | Tổng số       | Đúng thời hạn |                                         | Quá hạn |  |  |
| 1   | 2                                                          | 3                        | 4                           | 5                      | 6                                      | 7                      | 8            | 9                  | 10                       | 11           | 12      | 13            | 14            | 15                                      | 16      |  |  |
| A   | TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh | 98047                    | 14569                       | 3301                   | 80177                                  | 92728                  | 92697        | 31                 | 5319                     | 5246         | 73      | 58392         | 54886         | 104                                     | 3402    |  |  |
| 1   | Sở Công thương                                             | 289                      | 0                           | 14                     | 275                                    | 275                    | 273          | 2                  | 14                       | 14           | 0       | 289           | 273           | 2                                       | 14      |  |  |
| 1   | Lưu thông hàng hóa trong nước                              | 48                       | 0                           | 9                      | 39                                     | 47                     | 47           | 0                  | 1                        | 1            | 0       | 48            | 47            | 0                                       | 1       |  |  |
| 2   | Công nghiệp nặng                                           | 8                        | 0                           | 2                      | 6                                      | 8                      | 8            | 0                  | 0                        | 0            | 0       | 8             | 8             | 0                                       | 0       |  |  |
| 3   | Công nghiệp tiểu thủ công nghiệp                           | 1                        | 0                           | 0                      | 1                                      | 1                      | 1            | 0                  | 0                        | 0            | 0       | 1             | 1             | 0                                       | 0       |  |  |
| 4   | An toàn thực phẩm                                          | 43                       | 0                           | 3                      | 40                                     | 35                     | 33           | 2                  | 8                        | 8            | 0       | 43            | 33            | 2                                       | 8       |  |  |
| 5   | Quản lý Cảnh sát                                           | 4                        | 0                           | 0                      | 4                                      | 3                      | 3            | 0                  | 1                        | 1            | 0       | 4             | 3             | 0                                       | 1       |  |  |
| 6   | Xúc tiến thương mại                                        | 182                      | 0                           | 0                      | 182                                    | 178                    | 178          | 0                  | 4                        | 4            | 0       | 182           | 178           | 0                                       | 4       |  |  |
| 7   | Hóa chất                                                   | 2                        | 0                           | 0                      | 2                                      | 2                      | 2            | 0                  | 0                        | 0            | 0       | 2             | 2             | 0                                       | 0       |  |  |
| 8   | Điện                                                       | 1                        | 0                           | 0                      | 1                                      | 1                      | 1            | 0                  | 0                        | 0            | 0       | 1             | 1             | 0                                       | 0       |  |  |

|     |                                       |      |     |    |      |      |      |     |    |    |   |      |      |   |    |
|-----|---------------------------------------|------|-----|----|------|------|------|-----|----|----|---|------|------|---|----|
| II  | Sở Giáo dục và Đào tạo                | 187  | 0   | 0  | 187  | 187  | 187  | 187 | 0  | 0  | 0 | 187  | 187  | 0 | 0  |
| I   | Văn bằng chứng chỉ                    | 88   | 0   | 0  | 88   | 88   | 88   | 88  | 0  | 0  | 0 | 88   | 88   | 0 | 0  |
| 2   | Giáo dục và Đào tạo                   | 99   | 0   | 0  | 99   | 99   | 99   | 99  | 0  | 0  | 0 | 99   | 99   | 0 | 0  |
| III | Sở Giáo thông vận tải                 | 5203 | 0   | 0  | 5203 | 134  | 5203 | 0   | 0  | 0  | 0 | 5203 | 5203 | 0 | 0  |
| 1   | Đường bộ                              | 5069 | 0   | 0  | 5069 | 5069 | 5069 | 0   | 0  | 0  | 0 | 5069 | 5069 | 0 | 0  |
| 2   | Đường thủy Nội địa                    | 134  | 0   | 0  | 134  | 134  | 134  | 0   | 0  | 0  | 0 | 134  | 134  | 0 | 0  |
| IV  | Sở Kế hoạch và Đầu tư                 | 1065 | 210 | 22 | 833  | 1020 | 1020 | 0   | 45 | 45 | 0 | 1065 | 1020 | 0 | 45 |
| I   | Kế hoạch, đầu tư                      | 1065 | 210 | 22 | 833  | 1020 | 1020 | 0   | 45 | 45 | 0 | 1065 | 1020 | 0 | 45 |
| V   | Sở Khoa học và Công nghệ              | 6    | 0   | 0  | 6    | 6    | 6    | 0   | 0  | 0  | 0 | 6    | 6    | 0 | 0  |
|     | Năng lượng                            |      |     |    |      |      |      |     |    |    |   |      |      |   |    |
| 1   | Nguyên tử, An toàn bức xạ và hạt nhân | 5    | 0   | 0  | 5    | 5    | 5    | 0   | 0  | 0  | 0 | 5    | 5    | 0 | 0  |
| 2   | Hoạt động khoa học và Công nghệ       | 0    | 0   | 0  | 0    | 0    | 0    | 0   | 0  | 0  | 0 | 0    | 0    | 0 | 0  |
| 3   | Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng        | 1    | 0   | 0  | 1    | 1    | 1    | 0   | 0  | 0  | 0 | 1    | 1    | 0 | 0  |
| VI  | Sở Lao động, Thương binh và Xã hội    | 181  | 3   | 2  | 176  | 162  | 141  | 0   | 19 | 19 | 0 | 179  | 179  | 0 | 9  |
| 1   | An toàn về sinh lao động              | 21   | 0   | 0  | 21   | 21   | 0    | 0   | 0  | 0  | 0 | 21   | 21   | 0 | 0  |
| 2   | Giáo dục nghề nghiệp                  | 4    | 0   | 1  | 3    | 4    | 4    | 0   | 0  | 0  | 0 | 4    | 4    | 0 | 0  |
| 3   | Việc làm                              | 124  | 3   | 1  | 120  | 117  | 117  | 0   | 7  | 7  | 0 | 124  | 124  | 0 | 7  |
| 4   | Bảo trợ xã hội                        | 0    | 0   | 0  | 0    | 0    | 0    | 0   | 0  | 0  | 0 | 0    | 0    | 0 | 0  |
| 5   | Phòng chống tệ nạn xã hội             | 0    | 0   | 0  | 0    | 0    | 0    | 0   | 0  | 0  | 0 | 0    | 0    | 0 | 0  |
| 6   | Quản lý lao động ngoài nước           | 0    | 0   | 0  | 0    | 0    | 0    | 0   | 0  | 0  | 0 | 0    | 0    | 0 | 0  |
| 7   | Quan hệ Lao động - tiền lương         | 22   | 0   | 0  | 22   | 20   | 20   | 0   | 2  | 2  | 0 | 20   | 20   | 0 | 2  |
| 8   | Người có công                         | 10   | 0   | 0  | 10   | 0    | 0    | 0   | 10 | 10 | 0 | 10   | 10   | 0 | 0  |
| VII | Sở Ngoại vụ                           | 106  | 0   | 0  | 106  | 106  | 106  | 0   | 0  | 0  | 0 | 106  | 106  | 0 | 0  |



[illegible]

|      |                                 |       |       |     |       |       |       |   |     |     |    |      |      |    |     |
|------|---------------------------------|-------|-------|-----|-------|-------|-------|---|-----|-----|----|------|------|----|-----|
| XIII | Sở Tư pháp                      | 16643 | 14289 | 450 | 1904  | 14306 | 14306 | 2 | 527 | 452 | 73 | 1810 | 1755 | 55 | 511 |
| 1    | Nuôi con nuôi                   | 5     | 4     | 1   | 0     | 4     | 4     | 0 | 1   | 1   | 0  | 0    | 0    | 0  | 0   |
| 2    | Lý lịch tư pháp                 | 2310  | 2     | 441 | 1867  | 0     | 0     | 0 | 511 | 445 | 66 | 1799 | 1749 | 50 | 511 |
| 3    | Tờ giúp pháp lý                 | 102   | 102   | 0   | 0     | 102   | 102   | 0 | 0   | 0   | 0  | 0    | 0    | 0  | 0   |
| 4    | Quốc tịch                       | 21    | 14    | 7   | 0     | 0     | 0     | 0 | 10  | 3   | 7  | 11   | 6    | 5  | 0   |
| 5    | Công chứng                      | 14169 | 14136 | 0   | 33    | 14167 | 14167 | 0 | 2   | 2   | 0  | 0    | 0    | 0  | 0   |
| 6    | Luật sư                         | 5     | 0     | 1   | 4     | 4     | 4     | 0 | 1   | 1   | 0  | 0    | 0    | 0  | 0   |
| 7    | Bán đấu giá tài sản             | 10    | 10    | 0   | 0     | 8     | 8     | 2 | 2   | 0   | 0  | 0    | 0    | 0  | 0   |
| 8    | Quản tài viên                   | 0     | 0     | 0   | 0     | 0     | 0     | 0 | 0   | 0   | 0  | 0    | 0    | 0  | 0   |
| 9    | Hộ tịch                         | 21    | 21    | 0   | 0     | 21    | 21    | 0 | 0   | 0   | 0  | 0    | 0    | 0  | 0   |
| XIV  | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 101   | 0     | 3   | 98    | 89    | 89    | 0 | 12  | 12  | 0  | 0    | 0    | 0  | 0   |
| 1    | Văn hóa                         | 86    | 0     | 1   | 85    | 76    | 76    | 0 | 10  | 10  | 0  | 0    | 0    | 0  | 0   |
| 2    | Thể thao                        | 6     | 0     | 1   | 5     | 6     | 6     | 0 | 0   | 0   | 0  | 0    | 0    | 0  | 0   |
| 3    | Du Lịch                         | 4     | 0     | 1   | 3     | 2     | 2     | 0 | 2   | 2   | 0  | 0    | 0    | 0  | 0   |
| 4    | Di Sản                          | 5     | 0     | 0   | 5     | 5     | 5     | 0 | 0   | 0   | 0  | 0    | 0    | 0  | 0   |
| XV   | Sở Xây dựng                     | 266   | 5     | 361 | 0     | 118   | 116   | 2 | 248 | 248 | 0  | 366  | 116  | 2  | 248 |
| 1    | QLNTBDS                         | 5     | 5     | 0   | 0     | 5     | 5     | 0 | 0   | 0   | 0  | 5    | 5    | 0  | 0   |
| 2    | Quản lý xây dựng                | 255   | 0     | 355 | 0     | 107   | 106   | 1 | 248 | 248 | 0  | 355  | 106  | 1  | 248 |
| 3    | Hạ tầng kỹ thuật                | 6     | 0     | 6   | 0     | 6     | 5     | 1 | 0   | 0   | 0  | 6    | 5    | 1  | 0   |
| XVI  | Sở Y tế                         | 25125 | 0     | 162 | 24963 | 25054 | 25054 | 0 | 71  | 71  | 0  | 0    | 0    | 0  | 0   |
| 1    | Y tế dự phòng                   | 24565 | 0     | 0   | 24565 | 24565 | 24565 | 0 | 0   | 0   | 0  | 0    | 0    | 0  | 0   |
| 2    | Dược phẩm                       | 219   | 0     | 127 | 92    | 174   | 174   | 0 | 45  | 45  | 0  | 0    | 0    | 0  | 0   |
| 3    | Khám bệnh, chữa bệnh            | 101   | 0     | 29  | 72    | 75    | 75    | 0 | 26  | 26  | 0  | 0    | 0    | 0  | 0   |
| 4    | Mỹ phẩm                         | 0     | 0     | 0   | 0     | 0     | 0     | 0 | 0   | 0   | 0  | 0    | 0    | 0  | 0   |
| 5    | An toàn thực phẩm và Dinh       | 105   | 0     | 6   | 99    | 105   | 105   | 0 | 0   | 0   | 0  | 0    | 0    | 0  | 0   |
| 6    | Giám định y khoa                | 135   | 0     | 0   | 135   | 135   | 135   | 0 | 0   | 0   | 0  | 0    | 0    | 0  | 0   |
| XVII | Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh    | 774   | 0     | 67  | 707   | 716   | 710   | 6 | 0   | 0   | 0  | 772  | 710  | 6  | 0   |
| 1    | Đầu Tư                          | 178   | 0     | 7   | 171   | 171   | 169   | 2 | 0   | 0   | 0  | 178  | 169  | 2  | 0   |
| 2    | Lao Động                        | 502   | 0     | 46  | 456   | 451   | 449   | 2 | 0   | 0   | 0  | 502  | 449  | 2  | 0   |
| 3    | Xây Dựng                        | 68    | 0     | 13  | 55    | 68    | 66    | 2 | 0   | 0   | 0  | 66   | 66   | 2  | 0   |
| 4    | Môi Trường                      | 4     | 0     | 0   | 4     | 4     | 4     | 0 | 0   | 0   | 0  | 4    | 4    | 0  | 0   |
| 5    | Đất đai                         | 22    | 0     | 1   | 21    | 22    | 22    | 0 | 0   | 0   | 0  | 22   | 22   | 0  | 0   |



[illegible]

| C  | THHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã | 31125  | 144   | 185  | 30796  | 29100  | 28839  | 261  | 2025 | 1923 | 102 | 31125 | 28737 | 363  | 2025 |
|----|----------------------------------------------------------|--------|-------|------|--------|--------|--------|------|------|------|-----|-------|-------|------|------|
| 1  | Tài nguyên - môi trường                                  | 121    | 0     | 36   | 85     | 74     | 65     | 9    | 47   | 47   | 0   | 121   | 65    | 9    | 47   |
| 2  | Nội vụ                                                   | 408    | 0     | 4    | 404    | 397    | 393    | 4    | 11   | 11   | 0   | 408   | 393   | 4    | 11   |
| 3  | Công Thương                                              | 1      | 0     | 0    | 1      | 1      | 1      | 0    | 0    | 0    | 0   | 1     | 1     | 0    | 0    |
| 4  | Giáo dục                                                 | 1      | 0     | 0    | 1      | 1      | 1      | 0    | 0    | 0    | 0   | 1     | 1     | 0    | 0    |
| 5  | Kế hoạch và Đầu tư                                       | 0      | 0     | 0    | 0      | 0      | 0      | 0    | 0    | 0    | 0   | 0     | 0     | 0    | 0    |
| 6  | Nông nghiệp và Phát triển nông                           | 12     | 0     | 0    | 12     | 12     | 12     | 216  | 0    | 0    | 0   | 12    | 12    | 0    | 0    |
| 7  | Tư pháp                                                  | 30241  | 143   | 92   | 30006  | 28412  | 28196  | 0    | 1829 | 1727 | 102 | 30241 | 28196 | 216  | 1829 |
| 8  | Văn hóa                                                  | 0      | 0     | 0    | 0      | 0      | 0      | 0    | 0    | 0    | 0   | 0     | 0     | 0    | 0    |
| 9  | Y tế                                                     | 0      | 0     | 0    | 0      | 0      | 0      | 32   | 0    | 0    | 0   | 0     | 0     | 0    | 0    |
| 10 | Lao động, thương binh và xã hội                          | 341    | 1     | 53   | 287    | 203    | 171    |      | 138  | 138  | 0   | 341   | 171   | 32   | 138  |
| 11 | Thanh tra                                                | 0      | 0     | 0    | 0      | 0      | 0      | 0    | 0    | 0    | 0   | 0     | 0     | 0    | 0    |
| 12 | Bảo trợ xã hội                                           | 0      | 0     | 0    | 0      | 0      | 0      | 0    | 0    | 0    | 0   | 0     | 0     | 0    | 0    |
| 13 | Chính sách (BQP)                                         | 0      | 0     | 0    | 0      | 0      | 0      | 0    | 0    | 0    | 0   | 0     | 0     | 0    | 0    |
| 14 | Dân quân tự vệ                                           | 0      | 0     | 0    | 0      | 0      | 0      | 0    | 0    | 0    | 0   | 0     | 0     | 0    | 0    |
| 15 | Văn phòng thông kê                                       | 0      | 0     | 0    | 0      | 0      | 0      | 0    | 0    | 0    | 0   | 0     | 0     | 0    | 0    |
|    | Tổng số                                                  | 134630 | 14755 | 4388 | 115487 | 126864 | 125587 | 1277 | 7766 | 7590 | 176 | 94975 | 87673 | 1453 | 5849 |





**PHỤ LỤC III**  
**NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI CÁC**  
**TRƯỜNG HỢP TỒN ĐONG TRONG GIẢI**  
**QUYẾT TTHC**

**Đơn vị báo cáo:**  
Tỉnh Tây Ninh  
**Đơn vị nhận báo cáo:**

Văn phòng chính phủ (Cục Kiểm soát  
TTHC)

**I. TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN**

*Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC*

| STT | Lĩnh vực, công việc giải quyết      | Số lượng hồ sơ | Nguyên nhân quá hạn | Ghi chú                                                                                                                     |
|-----|-------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                                 | (3)            | (4)                 | (5)                                                                                                                         |
| 1   | Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 1              | dx5;                | Do các thao tác trên phần mềm một cửa điện tử của tỉnh còn chậm                                                             |
| 2   | Lý lịch tư pháp                     | 73             | dx73;               | Hồ sơ cấp phiếu LLTP đang xử lý nhưng quá hạn là do các hồ sơ trên có án tích, Sở Tư pháp cần xác minh trước khi cấp phiếu. |
| 3   | Tư pháp - Hộ tịch cấp huyện         | 102            | dx102;              | Do các thao tác trên phần mềm một cửa điện tử của tỉnh còn chậm                                                             |
|     | <b>Tổng số</b>                      | <b>176</b>     |                     |                                                                                                                             |

Phụ lục IV  
**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ**  
**PHẦN ÁNH, KIẾN NGHỊ VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH**

Đơn vị báo cáo:  
Tỉnh Tây Ninh  
Đơn vị nhận báo cáo:  
Văn phòng chính phủ (Cục Kiểm soát  
TTHC).  
Đơn vị tính: Số phần ánh, kiến nghị

**I. KẾT QUẢ TIẾP NHẬN PAKN**

| Ngành, lĩnh vực có PAKN | Phân loại PAKN |                               |                                         |                                                     | PAKN mới tiếp nhận trong kỳ báo cáo |                          |                 |         | Thông tin nhận được về kết quả xử lý PAKN |                                            |      |  | Đăng tải công khai kết quả xử lý |
|-------------------------|----------------|-------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|-----------------|---------|-------------------------------------------|--------------------------------------------|------|--|----------------------------------|
|                         | Tổng số        | Chia ra                       |                                         |                                                     | Tổng số                             | Chia ra                  |                 | Tổng số | Chia ra                                   |                                            |      |  |                                  |
|                         |                | Số PAKN về hành vi hành chính | Số PAKN về nội dung quy định hành chính | Số PAKN cả về Hvi hành chính và quy định hành chính |                                     | Đang kiểm tra, phân loại | Đã chuyển xử lý |         | Đã có thông tin báo cáo về kết quả xử lý  | Chưa có thông tin báo cáo về kết quả xử lý |      |  |                                  |
|                         |                |                               |                                         |                                                     |                                     |                          |                 |         |                                           |                                            |      |  |                                  |
| A                       | (1)            | (2)                           | (3)                                     | (4)                                                 | (5)                                 | (6)                      | (7)             | (8)     | (9)                                       | (10)                                       | (11) |  |                                  |
| Tổng số                 | 2              | 0                             | 2                                       | 0                                                   | 2                                   | 0                        | 2               | 2       | 2                                         | 0                                          | 2    |  |                                  |